

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ KHÁI NIỆM HÌNH PHẠT

Phạm Văn Beo*

Mặc dù hình phạt luôn được con người biết đến như là một trong những công cụ chủ yếu nhất để đấu tranh phòng chống tội phạm, tuy nhiên, việc nhận thức về những vấn đề liên quan đến hình phạt trong khoa học hình sự cho đến bây giờ vẫn chưa được xem là hoàn thiện; vẫn chưa có một quan điểm thống nhất về khái niệm hình phạt, cơ sở lý luận của hình phạt, mục đích hình phạt... Vì vậy, rất khó xác định khi nào hình phạt được nhận thức đúng với bản chất của nó, hoặc khi nào hình phạt được xem là đúng nghĩa của hình phạt. Trong bài viết này, tác giả cố gắng tiếp cận các quan điểm khác nhau về khái niệm hình phạt để từ đó đưa ra một khái niệm hình phạt mang tính chuẩn xác nhất trong khoa học pháp lý hình sự. Khái niệm quy chuẩn về hình phạt sẽ là cơ sở để phân biệt không chỉ giữa hình phạt và các biện pháp pháp lý không phải hình phạt mà còn có thể xác định quan niệm về hình phạt như thế nào được xem là đúng đắn, có cơ sở và ngược lại.

Trong lịch sử lý luận Luật hình sự, có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm hình phạt. Tuy nhiên, các quan điểm đó chủ yếu tập trung theo hai hướng: (1) hoặc coi hình phạt như là công cụ trả thù của Nhà nước, (2) hoặc coi hình phạt như là công cụ để đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Quan điểm coi hình phạt là sự trả thù của Nhà nước dựa trên cơ sở của Học thuyết Trừng trị do Kant chủ trương với ý tưởng công lý tuyệt đối. Theo quan điểm này, hình phạt được định nghĩa là sự đau đớn (về thể chất hoặc tinh thần) hoặc sự bất lợi nhất định nào đó dành cho người có hành vi phạm tội theo một bản án hoặc quyết định của toà án¹.

Quan điểm coi hình phạt như là công cụ để đấu tranh phòng ngừa tội phạm xuất phát từ nội dung của Học thuyết Phòng ngừa do Cesar Beccaria khởi xướng. Theo đó, hình phạt được

xem là một sự đau đớn (về thể xác hoặc tinh thần) hoặc một sự mất mát nhất định mà toà án bắt người bị kết án đã phạm tội phải gánh chịu nhằm mục đích trừng trị, qua đó nhằm mục đích cải tạo và phòng ngừa².

Theo các luật gia Việt Nam, hình phạt được xem xét dựa trên hai đặc trưng cơ bản.³ Hình phạt, trước hết, được xem là sự cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước đối với người có hành vi phạm tội. Như vậy, nội dung của hình phạt đã được đồng nhất với "*biện pháp cưỡng chế của Nhà nước*". Đặc trưng thứ hai của hình phạt thể hiện ở góc độ hiệu lực thi hành của hình phạt. Hiệu lực thi hành của hình phạt trước hết ở hiệu lực pháp luật của hình phạt. Theo Điều 26 Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành, chỉ có Bộ luật Hình sự mới quy định hình phạt, nghĩa là chỉ có Quốc hội mới có quyền quy định, sửa đổi, bổ sung hình phạt. Như vậy, ở khía cạnh này, hiệu lực của hình phạt chỉ sau Hiến pháp. Góc độ thứ hai thể hiện hiệu lực thi hành của hình phạt là được áp dụng bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đó chính là Toà án. Toà án là cơ quan duy nhất có thẩm quyền, nhân danh Nhà nước để quyết định áp dụng hình phạt đối với người phạm tội.

Chúng ta cần phải công nhận rằng, để có một khái niệm đúng đắn và đầy đủ về một sự vật, hiện tượng, khái niệm đó cần phản ánh được những đặc trưng thuộc về bản chất của sự vật, hiện tượng đó. Dĩ nhiên, để định nghĩa một sự vật, hiện tượng, chúng ta có thể xuất phát từ nhiều dấu hiệu đặc trưng khác nhau của sự vật, hiện tượng đó, tuy nhiên một định nghĩa được xem là khái quát nhất chỉ khi được xây dựng dựa trên những đặc trưng thuộc về bản chất của nó. Như vậy, để có được một khái niệm hình phạt chuẩn xác, trước hết chúng ta cần xác định những đặc trưng thuộc về bản chất của hình phạt.

* Thạc sĩ Luật học, Giảng viên Khoa Luật, Đại học Cần Thơ

¹ Bryan A. Garner, Black's Law Dictionary, 7th ed, West Group: St Paul Minn, 1999.

² Webster's Revised Unabridged Dictionary, MIRCA, Inc, 1998.

³ Nguyễn Sơn, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 9/2002, tr.43-45.

Trong số các mô hình định nghĩa hình phạt, theo chúng tôi, mô hình của Hart, đã đưa ra tương đối đầy đủ các đặc trưng thuộc về bản chất của hình phạt. Vì thế, ở đây chúng tôi dựa trên mô hình định nghĩa của Hart về hình phạt để phân tích, đánh giá nhằm tiếp cận một định nghĩa về hình phạt. Trong tác phẩm "*Punishment and Responsibility*" (Hình phạt và Trách nhiệm Hình sự)⁴, Hart đã xác định hình phạt qua 5 đặc trưng cơ bản của hình phạt, đó là:

(1) Nó phải bao hàm sự đau đớn về thể chất hoặc tinh thần (pain) hoặc những hậu quả khác thông thường là một sự không dễ chịu (unpleasant) đáng kể nào đó;

(2) Nó phải được áp dụng đối với hành vi phạm tội vi phạm một hoặc một số quy phạm pháp luật hình sự;

(3) Nó phải được áp dụng đối với người thực tế phạm tội hoặc bị cho là phạm tội về chính hành vi phạm tội do anh ta thực hiện;

(4) Nó phải được áp dụng (administered) một cách có ý thức bởi con người (human being) trừ kẻ phạm tội;

(5) Nó phải được áp dụng và thi hành bởi một cơ quan có thẩm quyền được thiết lập bởi hệ thống pháp luật mà chính kẻ phạm tội đã vi phạm.

Về đặc trưng thứ nhất, có lẽ là ít có ai tranh cãi với Hart. Về trực quan ta nhận thấy rằng, dù bất kỳ với nghĩa nào mà người ta gán cho nó thì hình phạt vẫn luôn nên là một điều gì đó mà không ai mong muốn và vì thế nó sẽ là cái điều không dễ chịu chút nào. Vấn đề sẽ rõ ràng hơn khi chúng ta trả lời câu hỏi: Tại sao một hành vi cụ thể nào đó bị cho là tội phạm? Câu trả lời là: Để cảnh báo với xã hội rằng, đừng nên thực hiện những hành vi bị cấm đó và phải đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất những hành vi đó xảy ra trong xã hội. Làm thế nào để đảm bảo được điều đó? Câu trả lời là: Phải đảm bảo bất kỳ hành vi bị cấm nào khi thực hiện đều phải gánh lấy hậu quả không dễ chịu đó. Có lẽ, những hành vi đó là nhằm đạt được một số lợi ích nào đó. Cho nên, liệu có một người X nào

đó nghĩ rằng mình có thể đạt được những lợi ích nào đó nhưng anh ta sẽ không làm chỉ bởi vì có một người Y bảo anh ta không nên làm. Không ngoại trừ lời nói của Y có kèm theo một sự đe dọa thực tế bằng một hậu quả không dễ chịu, hoặc Y đã nắm được điểm yếu của X. Nếu hậu quả không phải là khó chịu thì Y cũng không có động cơ để ngăn cản X thực hiện hành vi của mình khi hành vi đó không dừng lại và hứa hẹn mang lại những lợi ích nhất định, thậm chí còn gia tăng nếu kết quả của hành vi là những điều dễ chịu. Kevin Knight, Đại học Rice, khi bình luận về đặc trưng này của Hart cũng đã thừa nhận, sự đau đớn hay sự không dễ chịu là một bộ phận không thể tách rời của hình phạt. Tác giả thậm chí còn nhấn mạnh rằng mình không thể hiểu về hình phạt nếu tách ra khỏi nội dung đau đớn và sự không dễ chịu của nó⁵.

Đặc trưng thứ hai của hình phạt là nó chỉ được áp dụng đối với hành vi phạm tội vi phạm pháp luật hình sự. Hình phạt phải được xem là sự trả lời lại hành vi phạm tội hoặc nói khác đi là hành vi vi phạm pháp luật hình sự. Đặc trưng này đòi hỏi một hành vi phải gánh chịu hình phạt khi và chỉ khi nó đã được quy định trong luật hình sự. Đây là một đặc trưng phổ biến và được thừa nhận rộng rãi trong luật hình sự các nước.

Ở đây, chúng ta chú ý rằng tính công bằng của pháp luật hình sự có vai trò quan trọng, quyết định tính công bằng của hình phạt. Hãy hình dung rằng, một quốc gia có một hệ thống luật trong đó các quy phạm pháp luật có sự mâu thuẫn nhau. Chẳng hạn, có một ngành luật trong đó bắt buộc nam giới và nữ giới phải gia nhập quân đội ít nhất 1 năm. Nhưng ở một ngành luật khác lại cấm phụ nữ tham gia quân đội. Như vậy, liệu có công bằng không nếu chúng ta bắt phạt người nữ khi họ không (không thể) tham gia quân đội? Rõ ràng là không, tức là tội phạm không được ngăn chặn. Như vậy, sự mâu thuẫn giữa các ngành luật đã chỉ rõ chúng có điểm bất cập, từ chỗ đó dẫn đến hình phạt áp dụng kèm theo cũng sẽ không chính xác. Tuy nhiên, sự bất cập của luật không phải bản thân nó dẫn đến sự không chính xác cho việc áp dụng hình phạt kèm theo đối với

⁴ Hart, H.L.A., *Punishment and Responsibility*, Oxford: Clarendon Press, 1968, tr.4.

⁵ <http://www.stanford.edu/group/dualist/vol5/pdfs>.

hành vi vi phạm, mà hậu quả này chỉ xảy ra ở một số trường hợp cụ thể. Nghĩa là, hình phạt chỉ thiếu chính xác khi luật bị vi phạm không hợp lý để chờ đợi một sự tuân thủ. Ví dụ, mặc dù tôi cho rằng luật cấm hành vi tàng trữ chất ma túy là bất hợp lý. Tuy nhiên, nếu quy định cấm hành vi này, tôi nghĩ việc áp dụng hình phạt đối với người tàng trữ chất ma túy là đúng đắn vì hoàn toàn có thể cấm một người không thực hiện hành vi này. Nhưng nếu luật có sự mâu thuẫn hoặc quy định một hành vi nào đó là mang tính tất yếu, như “ăn” chẳng hạn, là trái pháp luật hoặc quy định một người thuộc nước nào đó, như “Do Thái”, là trái pháp luật thì không thể chờ đợi một sự tuân thủ được. Hình phạt áp dụng đối với những hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong trường hợp đó bị xem là không đúng.

Về đặc trưng thứ ba của hình phạt, theo Hart, là nó phải được áp dụng đối với người thực tế phạm tội hoặc bị cho là phạm tội về chính hành vi phạm tội của anh ta. Quan điểm này giống với quan điểm của Mabbott trong tác phẩm “Hình phạt” (Punishment) xuất bản năm 1939. Mabbott cho rằng, hình phạt được xem là có cơ sở khi nó được dành cho chính người đã có hành vi vi phạm pháp luật. Dĩ nhiên, không phải bất cứ ai vi phạm pháp luật cũng nhất định phải gánh chịu hình phạt. Điều này còn phải xem xét điều kiện đủ để có thể áp dụng hình phạt đó là hành vi đó phải có lỗi. Quá trình chứng minh một hành vi vi phạm là có lỗi cần thiết phải được tiến hành một cách tương đối đáng tin cậy. Về điểm này, trong tác phẩm “Tình trạng vô chính phủ, Nhà nước và xã hội không tưởng” (Anarchy, State, and Utopia) (1974), Robert Nozick đã nhấn mạnh: Không ai có quyền dựa trên một trình tự tố tụng không đáng tin tưởng để áp dụng hình phạt đối với kẻ khác. Nếu dựa trên trình tự tố tụng đó, anh ta sẽ không thể chắc rằng người vi phạm có đáng phải gánh chịu hình phạt không. Cụm từ “*đáng phải gánh chịu hình phạt*” ở đây được Robert dùng với nghĩa như là “*đã phạm tội*”. Để đảm bảo một trình tự tố tụng đáng tin cậy, chúng ta cần chứng minh sự tồn tại của tội phạm trước khi cáo buộc rằng tội phạm đó chính là của kẻ phạm tội cụ thể nào đó.

Trong đặc trưng thứ ba mà Hart đưa ra, chúng ta có thể nhận thấy có một điểm không cần thiết, đó là việc dùng cụm từ “*thực tế*” (actual) hoặc “*bị cho là*” (supposed) phạm tội. Bởi vì, nếu khi chúng ta đã đủ cơ sở kết luận rằng một kẻ nào đó là phạm tội có nghĩa là kẻ đó “*bị cho là phạm tội*” (bao hàm cả việc thực tế anh ta đã phạm tội). Tuy nhiên, nếu thực tế anh ta có phạm tội nhưng chúng ta đã không chứng minh được là anh ta đã phạm tội thì hình phạt cũng đâu có thể dành cho anh ta được. Vì thế, việc dùng cụm từ “*thực tế phạm tội*” ở đây khiến cho định nghĩa về hình phạt thiếu chính xác. Cho nên, có thể sửa đặc trưng thứ ba này lại thành “*hình phạt phải được áp dụng đối với người bị cho là phạm tội về chính hành vi phạm tội của anh ta*”.

Còn một điểm nữa ở đây mà chúng ta cần quan tâm là đặc trưng thứ ba, trong mối liên hệ với đặc trưng thứ hai, có ẩn chứa một nội dung rất sâu sắc. Đó là, hình phạt chỉ áp dụng vì người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội (chứ không phải vì người đó là người phạm tội). Nghĩa là, khi kẻ giết người bị đem ra xét xử và bị áp dụng hình phạt là vì hành vi giết người của anh ta chứ không phải vì anh ta là kẻ giết người. Chẳng hạn, trên thế giới có một số quốc gia cấm hành vi loạn dâm đồng giới, tuy nhiên không một quốc gia nào lại phạt một người vì người đó là người đồng tính luyến ái. Nếu chúng ta dùng hình phạt vì “*người phạm tội*” thì chỉ cần phạm tội một lần, người phạm tội sẽ có thể bị đem ra xét xử và phải gánh chịu hình phạt nhiều lần trong suốt đời. Theo tôi, một người sau khi đã phạm tội, đã gánh chịu một hình phạt tương ứng, trong một thời gian nhất định sẽ thay đổi và trở thành một người khác (không còn là con người phạm tội nữa). Cho nên, hình phạt đối với anh ta lúc này sẽ không được xem là phù hợp. Dĩ nhiên, tôi không phải muốn nói đến trường hợp những kẻ sau khi chấp hành xong hình phạt lại tái phạm. Trường hợp một tên giết người lại tiếp tục giết người ngay sau khi ra trại thì xứng đáng nhận một hình phạt nghiêm khắc hơn rất nhiều lần mới đảm bảo ý nghĩa của hình phạt.

Đặc trưng thứ tư của hình phạt là phải được áp dụng một cách có ý thức bởi con người trừ

kẻ phạm tội. Tính có ý thức của hình phạt giúp phân biệt hình phạt với một cái đáng phải gánh chịu như là kết quả của một nguyên nhân. Chẳng hạn, cái chết của một người được mang lại từ việc bị một hòn đá lăn từ trên núi xuống đè phải hoặc bị một con rắn độc cắn khi người đó đạp phải nó. Tội hơi mơ hồ để hiểu cặn từ "con người" trong cách dùng của Hart. Giả sử có sự tồn tại của người ngoài hành tinh, vậy họ cũng có thể sử dụng hình phạt. Hay thậm chí nếu ta thay "chủ thể" trong ví dụ về con rắn độc cắn chết kẻ đạp nó bởi một kẻ cuồng tín nào đó, liệu kẻ đó có thể hợp lý để sử dụng hình phạt không? Dĩ nhiên là không thể. Đặc trưng thứ năm của hình phạt đã lý giải điều đó. Hart khẳng định "Hình phạt phải được áp dụng và thi hành bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được thiết lập bởi hệ thống luật mà kẻ phạm tội đã vi phạm". Bất kỳ ai cũng có thể vi phạm một số quy định nhất định, tuy nhiên điều đó không có nghĩa là ai cũng có thể áp dụng hình phạt đối với anh ta. Phải có mối quan hệ nhất định giữa người áp dụng hình phạt và các quy phạm pháp luật bị vi phạm, nghĩa là người áp dụng phải nhận thức được sự tồn tại của quy định đó và hành vi vi phạm quy định đó. Tuy nhiên vẫn chưa đủ, theo Hart, chủ thể áp dụng hình phạt phải là một chủ thể có thẩm quyền được thiết lập bởi hệ thống pháp luật mà kẻ phạm tội đã vi phạm. Chủ thể có thẩm quyền áp dụng hình phạt đối với người phạm tội sẽ là khác nhau tùy thuộc vào hệ thống pháp luật mà người phạm tội đã vi phạm. Phải có mối liên hệ giữa người phạm tội và hệ thống pháp luật mà anh ta bị cho là phạm tội và phải chịu hình phạt. Hay nói cách khác, phải tồn tại một số cơ sở để người phạm tội trao mình cho chủ thể có thẩm quyền được thiết lập theo pháp luật đó quyền áp dụng hình phạt đối với anh ta.

Có thể dễ dàng nhận thấy, Hart đã đưa ra rất nhiều đặc trưng thuộc về bản chất của hình phạt nhưng lại quên một đặc trưng rất quan trọng thể hiện cơ sở pháp lý của hình phạt, nghĩa là Hart không đề cập đến việc hình phạt được quy định ở đâu. Theo Hart, hình phạt do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng nhưng áp dụng dựa vào cơ sở pháp lý nào thì Hart chưa quan tâm. Có phải cơ quan này tự

mình đưa ra các loại hình phạt cũng như điều kiện áp dụng chúng? Về ý này, Cesar Beccaria, trong tác phẩm "Về Tội phạm và Hình phạt" (On Crimes and Punishment, 1764) đã đặt ra yêu cầu là hình phạt muốn đảm bảo tính pháp chế phải do luật hình sự quy định chứ không thể do thẩm phán ấn định một cách độc đoán, tùy tiện. Tôi đồng ý với Beccaria. Theo tôi, hình phạt nên được quy định trong các đạo luật quy định về tội phạm. Bởi vì, sở dĩ ta quy định và sử dụng hình phạt là vì có người thực hiện tội phạm. Cho nên, cơ sở pháp lý để xác định tội phạm cũng là hợp lý khi trở thành cơ sở pháp lý của hình phạt. Như vậy, tùy theo hệ thống luật của mỗi quốc gia mà hình phạt có thể được quy định ở những văn bản pháp luật khác nhau. Ví dụ, ở một số nước chấp nhận quy định tội phạm có thể được quy định ở nhiều đạo luật khác nhau (ngoài Bộ luật Hình sự), thì ở đó hình phạt cũng có thể được quy định ở những đạo luật tương ứng đó.

Từ sự phân tích trên có thể rút ra các đặc điểm sau về hình phạt: (1) sự đau đớn về thể xác hoặc tinh thần hoặc một số sự bất lợi khác; (2) được áp dụng đối với hành vi phạm tội vi phạm một hoặc một số quy phạm pháp luật (hình sự) có cơ sở đáng được tuân thủ; (3) Người có hành vi phạm tội chính là người bị cáo buộc là đã thực hiện hành vi phạm tội theo một trình tự thủ tục đúng đắn; (4) Hình phạt được quy định trong các đạo luật quy định về tội phạm, được áp dụng một cách có ý thức và đảm bảo thực hiện bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được thiết lập bởi hệ thống pháp luật mà người phạm tội đã vi phạm; (5) và hệ thống pháp luật đó phải có tính chất bắt buộc đối với người phạm tội.

Trên cơ sở phân tích và đúc kết các đặc điểm trên về hình phạt, chúng tôi xin nêu một số nhận xét về khái niệm hình phạt trong Bộ luật Hình sự Việt Nam. Tại Điều 26 quy định: "Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong Bộ luật Hình sự và do Tòa án quyết định".

Theo khái niệm này, hình phạt trước hết được xem là một trong số các hình thức cưỡng

chế của Nhà nước. Trong những lĩnh vực khác nhau của pháp luật, Nhà nước đã sử dụng các biện pháp cưỡng chế nặng nhẹ khác nhau, tùy thuộc vào tính đặc thù của lĩnh vực đó. Trong lĩnh vực đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, Nhà nước đã sử dụng hình phạt với tính cách là một biện pháp cưỡng chế nhưng có tính nghiêm khắc cao nhất. Cụm từ "*Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất*" đã chứng tỏ rằng các nhà làm luật đã đồng nhất giữa tính cưỡng chế của Nhà nước với nội dung của hình phạt. Ý nghĩa này làm cho quan điểm về khái niệm hình phạt của các nhà lập pháp hình sự Việt Nam có phần thiếu chính xác. Cưỡng chế Nhà nước là một phương pháp thực hiện chế tài (hình phạt). Nó không phải và cũng không thể là nội dung của chế tài. Mặt khác, đâu phải lúc nào khi áp dụng hình phạt, Nhà nước cũng cần đến việc sử dụng "*cưỡng chế*"⁶. Đó là trường hợp khi người phạm tội tự nguyện chấp hành hình phạt. Cho nên, nếu muốn xuất phát từ nội dung của hình phạt, khái niệm hình phạt cần đi từ nội dung thuộc về bản chất của hình phạt. Tuy nhiên, nếu chúng ta sử dụng đặc trưng thứ nhất mà Hart đưa ra để nói về nội dung của hình phạt, đó là: hình phạt là "*sự đau đớn về thể chất hoặc tinh thần hoặc những hậu quả khác thông thường là một sự không dễ chịu đáng kể nào đó*" thì định nghĩa đó không mang tính nhân văn lắm. Bởi vì trong khái niệm hình phạt lại có cụm từ "*đau đớn*". Vì thế, chúng ta có thể thay thế bằng cụm từ hình phạt là "*sự mất mát một số quyền hoặc lợi ích*". Nội dung này do chính các nhà lập pháp đã sử dụng để nói về hình phạt, nhưng theo tôi cũng là thiếu chính xác khi đã khẳng định "*nhằm tước bỏ quyền, lợi ích*" của người phạm tội. Từ "*nhằm*" khiến người đọc hiểu rằng việc áp dụng hình phạt là nhằm mục đích tước bỏ quyền, lợi ích của người phạm tội, trong khi đó "*tước bỏ quyền, lợi ích của người phạm tội*" không phải là mục đích của hình phạt.

Điểm tiếp theo cần bổ sung vào khái niệm hình phạt là: "*Hình phạt được áp dụng đối với*

người phạm tội về chính hành vi phạm tội của anh ta". Điểm bổ sung này trước tiên khẳng định, hình phạt là hậu quả của việc người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội. Bản chất việc áp dụng hình phạt là nhằm vào "*hành vi phạm tội*" chứ không phải nhằm vào "*người phạm tội*". Cho nên, hình phạt chỉ được áp dụng một lần đối với một hành vi phạm tội. Nội dung thứ hai biểu hiện nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, đó là hình phạt được áp dụng đối với người phạm tội về chính hành vi phạm tội của mình chứ không phải của bất cứ một ai khác.

Một điểm nữa mà khái niệm hình phạt cần có là: "*Người phạm tội ở đây được hiểu là người mà theo Luật hình sự, anh ta phải chịu hình phạt*". Như chúng ta đã biết, đâu phải bất cứ ai phạm tội cũng đều phải chịu trách nhiệm hình sự theo Luật hình sự và hình phạt.

Vấn đề cuối cùng, theo tôi, khái niệm hình phạt cần bổ sung là: "*Hình phạt được đảm bảo thực hiện bằng cưỡng chế cao nhất của Nhà nước*". Theo tôi, trong khái niệm hình phạt hiện hành, nhà làm luật cũng đã có ngụ ý nội dung này. Tuy nhiên, ý nghĩa đó không thuần túy để chỉ hiệu lực thi hành của hình phạt (như tôi đã phân tích) mà lẫn lộn với nội dung của hình phạt. Sự cưỡng chế cao nhất của Nhà nước ở đây được dành riêng thể hiện hiệu lực thi hành của hình phạt. Để đảm bảo thực hiện các trách nhiệm pháp lý trong những lĩnh vực khác nhau, Nhà nước đã sử dụng các biện pháp cưỡng chế với cường độ nặng nhẹ khác nhau. Nhưng, trong lĩnh vực hình sự, để đảm bảo thi hành hình phạt, Nhà nước đã sử dụng đến biện pháp cưỡng chế có cường độ cao nhất.

Từ sự phân tích trên đây, theo tôi, khái niệm hình phạt trong Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành cần được sửa đổi như sau:

Hình phạt là sự mất mát một số quyền hoặc lợi ích nhất định được áp dụng đối với người phạm tội về chính hành vi phạm tội của anh ta. Người phạm tội ở đây được hiểu là người mà theo Luật hình sự phải gánh chịu hình phạt.

Hình phạt được quy định trong Bộ luật Hình sự, do Toà án quyết định và được đảm bảo thực hiện bằng sự cưỡng chế cao nhất của Nhà nước.

⁶ Nguyễn Sơn, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 9/2002, tr.44.